

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HUYỆN LẠC SƠN

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỈNH HOÀ BÌNH

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31-12-2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN- TỈNH HOÀ BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Hồng.

Hội Thẩm Nhân Dân:

1. ông Bùi Văn Tấn;

2. ông Quách Văn Tới.

- Thư ký phiên tòa: ông Bùi Văn Hường- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn - tỉnh Hoà Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hoà Bình tham gia phiên tòa: ông Lê Xuân Trường- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hoà Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 169/2021/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/12/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bùi Thị N, sinh năm 1990. Cư trú tại: phố Beo, thị Trấn Vụ Bản, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt;

- *Bị đơn:* anh Bùi Văn N, sinh năm 1986. Cư trú tại: phố Beo, thị Trấn Vụ Bản, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình- hiện đang chấp hành án tại trại giam Thanh Lâm có địa chỉ tại thôn Thăng Bình- thị trấn Yên Cát- huyện Như Xuân- tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn và các lời khai của mình, nguyên đơn chị Bùi Thị N trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị và anh Bùi Văn N kết hôn với nhau tháng 12/2017 trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã Liên Vũ (nay là thị trấn Vụ Bản), huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Thời gian đầu, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng từ đầu năm 2018 đến nay, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa do anh N ham chơi và bị bạn bè lôi kéo vào con đường nghiện ma túy. Dù chị và gia đình đã hết lời khuyên can nhưng anh N không thay đổi. Anh N hiện đang chấp hành án tại trại giam Thanh Lâm, Thanh Hoá. Nay chị không còn tình cảm và hy vọng vào cuộc hôn nhân với anh N nên chị xin ly hôn để giải phóng cho cả hai và ổn định cuộc sống.

2. Về con chung: Anh N và chị N có 01 con chung là Bùi Thị N Thương, sinh ngày 01/06/2018. Hiện nay cháu Thương đang ở với mẹ. Do cháu Thương còn nhỏ cần được sự quan tâm chăm sóc của mẹ; anh N đang trong thời gian chấp hành án tại trại giam Thanh Lâm, Thanh Hoá nên khi ly hôn chị N xin được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Thương cho đến khi cháu Thương đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Chị N chưa yêu cầu anh N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với chị do anh N chưa có điều kiện kinh tế và hiện nhu cầu của cháu Thương chưa lớn nên chị N hoàn toàn có thể đáp ứng được đầy đủ. Chị N sẽ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con bằng một vụ án khác khi anh N có đủ khả năng và nhu cầu của con thật sự cần thiết.

3. Về tài sản; Công nợ chung: chị N khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra chị N không có yêu cầu gì thêm.

Anh N hiện đang chấp hành án tại trại giam Thanh Lâm, Thanh Hoá nhưng có lời khai chi tiết thể hiện ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh N thừa nhận quan hệ hôn nhân và tình trạng hôn nhân giữa anh và chị N như lời trình bày của chị N. Nay chị N xin ly hôn anh đồng ý.

2. Về con chung: Anh N thừa nhận anh và chị N có 01 con chung là Bùi Thị N Thương, sinh ngày 01/06/2018. Hiện nay cháu Thương đang ở với mẹ. Do anh N đang trong thời gian chấp hành án tại trại giam Thanh Lâm, Thanh Hoá nên khi ly hôn anh đồng ý giao con cho chị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Thương đồng thời bày tỏ nguyện vọng của mình khi chấp hành xong án phạt tù sẽ được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Thương.

3. Về tài sản; Công nợ chung: anh N thừa nhận không có nên không yêu cầu giải quyết.

Phát biểu quan điểm tại phiên toà, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình công nhận việc chấp hành đúng theo qui định của Bộ luật tố

tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX và đương sự từ khi thụ lý đến trước khi HĐXX nghị án. Về việc giải quyết vụ án Kiểm sát viên đề nghị như sau:

Về tố tụng: Anh N hiện đang chấp hành án tại trại giam Thanh Lâm, Thanh Hoá nhưng đã có lời khai chi tiết và có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt. Chị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh N, chị N là có cơ sở theo qui định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: Xác định mâu thuẫn giữa chị N và anh N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận việc thuận tình ly hôn của chị N và anh N là phù hợp Điều 51; Điều 55 Luật HN&GD năm 2014.

Về con chung: Xét yêu cầu của chị N và anh N là phù hợp các Điều 58; 81; 82; 83; 84 Luật HN&GD năm 2014 nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về tài sản; công nợ chung: chị N, anh N khai nhận không có nên không yêu cầu giải quyết. Do vậy, đề nghị HĐXX không đề cập giải quyết trong vụ án.

Ngoài ra không ai có ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn Bùi Văn N có nơi cư trú tại phố Beo, thị trấn Vụ Bản, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình nên theo qui định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Về việc vắng mặt của chị Bùi Thị N và anh Bùi Văn N: anh N vắng mặt tại phiên tòa do đang chấp hành án phạt tù tại trại giam Thanh Lâm, Thanh Hoá và có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt; Chị N vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo qui định tại điểm khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh N, chị N theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ án HĐXX xét thấy:

Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh N là hợp pháp. Cuộc sống chung vợ chồng thực sự có mâu thuẫn do anh N nghiện ma túy dù đã được chị N và gia đình đông viên, khuyên nhủ nhưng anh N không thay đổi, hai bên không thể tìm được tiếng nói chung. Hiện anh N đang phải chấp hành án phạt tù tại trại giam Thanh Lâm, Thanh Hoá.

Từ những nhận định trên thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu thuận tình ly hôn của chị N và anh N là phù hợp Điều 51; Điều 55 Luật HN&GD năm 2014.

[3]. Về con chung: chị N và anh N có 01 con chung là Bùi Thị N Thương, sinh ngày 01/06/2018. Hiện nay cháu Thương đang ở với mẹ; anh N đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam Thanh Lâm, Thanh Hoá nên khi ly hôn chị N và anh N thống nhất quan điểm giao cháu Thương cho chị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Thương đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Xét quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, điều kiện thực tế và nguyện vọng của đương sự thấy cần giao cháu Thương cho chị N Trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp các Điều 58; 81; 82; 83; 84 Luật HN&GD năm 2014.

Về nguyện vọng của anh N khi chấp hành xong án phạt tù sẽ được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Thương sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi anh N có đơn yêu cầu.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, chị N chưa yêu cầu anh N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với chị. Chị N sẽ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con bằng một vụ án khác khi anh N có đủ điều kiện và nhu cầu của con thật sự cần thiết. Xét điều kiện thực tế của các bên đương sự; Căn cứ các Điều 82; 83; 84 Luật HN&GD năm 2014 HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị N là phù hợp.

[4] Về tài sản; công nợ chung: chị N, anh N khai nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đề cập giải quyết trong vụ án.

[5]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo qui định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51; Điều 55; 58; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn Nhân và Gia Đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị N về việc: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" đối với anh Bùi Văn N.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử chấp nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị N và anh Bùi Văn N.

2. *Về con chung*: Giao con chung là Bùi Thị N Thương, sinh ngày 01/06/201 cho chị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục từ tháng 12/2021 trở đi cho đến khi cháu Thương đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Chị N chưa yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn pháp luật vẫn bảo hộ các quyền của cha mẹ với con chưa thành niên (quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở; quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con). Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về tài sản; Công nợ chung*: Không có và không yêu cầu giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ 300.000đ dự phí chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005583 ngày 12/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, nay chị N không phải nộp án phí nữa.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án hoặc trích lục án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai theo qui định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. Người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- CCTHA huyện Lạc sơn;
- UBND TT Vụ Bản;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng

